TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/7/2017.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát Vên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2017, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 6 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 15/2017/TB-TA, ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1982. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1970. Vắng mặt.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 19/10/2003 và Nguyễn Phước Ng, sinh ngày 30/11/2009. Đều có mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Th yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Qu. Bởi vì chị Th và anh Qu tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND xã N vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn mà

nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong kinh tế, bản thân anh Qu không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường gây gỗ, cải vả, sống không có hạnh phúc. Năm 2016, chị Th đã làm đơn xin ly hôn với anh Qu nhưng sau đó đã rút đơn quay về chung sống để cho anh Qu có cơ hội thay đổi. Sau khi về chung sống được một thời gian thì anh Qu cũng không thay đổi, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu say gây gỗ ảnh hưởng đến các con nên chị Th đã chủ động sống ly thân với anh Qu. Hiện nay chị Th không còn tình cảm với anh Qu, không muốn quay về chung sống đoàn tụ mà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh Qu có hai người con chung tên là Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 19/10/2003 và Nguyễn Phước Ng, sinh ngày 30/11/2009. Hiện cả hai người con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi hai người con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Qu trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Qu và chị Th tự nguyện kết hôn và làm thủ tục đăng ký tại UBND xã N vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, cuộc sống túng thiếu dẫn đến vợ chồng bất hòa. Sau đó, chị Th không chung sống với anh Qu nữa mà về nhà cha mẹ ruột sống. Trong thời gian vợ chồng sống riêng thì anh Qu vẫn thường xuyên qua lại thăm vợ, con. Đến khoảng năm 2016 thì chị Th làm đơn ly hôn. Sau một thời gian động viên, chị Th đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau khi đoàn tụ được một thời gian không lâu thì chị Th lại tiếp tục làm đơn ly hôn gửi Tòa án. Hiện nay anh Qu vẫn còn tình cảm yêu Th vợ con nên không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Qu, chị Th có hai người con chung tên là Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 19/10/2003 và Nguyễn Phước Ng, sinh ngày 30/11/2009. Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh Qu đồng ý giao hai người con chung cho chị Th nuôi dưỡng chứ không có tranh chấp gì.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cháu Nguyễn Trần Tường V trình bày:

Cháu V là con của chị Th và anh Qu. Trong quá trình sống với cha mẹ, cháu V thấy chị Th và anh Qu thường cải nhau, hiện nay cháu V đã theo mẹ về nhà bà ngoại sinh sống. Cháu V không muốn ba mẹ ly hôn, nếu chị Th và anh Qu ly hôn thì cháu V mong muốn ở với chị Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cháu Nguyễn Phước Ng trình bày:

Cháu Ng là con của chị Th và anh Qu. Trong quá trình sống với cha mẹ, cháu Nguyên thấy cha mẹ thường mâu thuẫn, cải nhau, hiện nay cháu Ng đã theo mẹ về nhà bà ngoại sinh sống. Khi cha mẹ ly hôn, cháu Ng có nguyện vọng được ở với chị Th.

Trong phần tranh luận, đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Vệc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Vệc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Vệc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, bị đơn – anh Qu không chấp hành triệu tập tham gia phiên Tòa nên vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203, 227, 228 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị xử cho chị Th được ly hôn với anh Qu. Về con chung: Chị Th được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên. Về án phí: chị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – anh Nguyễn Văn Qu mặc dù đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Qu tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc đời sống gặp khó khăn, kinh tế không ổn định dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ trong cuộc sống. Khoảng năm 2016, chị Th đã làm đơn ly hôn với anh Qu nhưng sau đó đã tự nguyện rút đơn khởi kiện quay về chung sống với anh Qu. Tuy nhiên, chị Th và anh Qu đoàn tụ được một thời gian ngắn rồi vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị Th đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và làm đơn ly hôn với anh Qu. Tại phiên Tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Qu. Riêng anh Qu trình bày tại các

bút lục số 18, 20 và 28, anh Qu vẫn còn tình cảm với chị Th nên không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được quay về đoàn tụ để cùng chăm lo cho con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện tại chị Th và anh Qu không còn chung sống với nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Th vẫn cương quyết ly hôn với anh Qu vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Qu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho anh Qu có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị Th và anh Qu đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị Th hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh Qu nữa và cương quyết ly hôn; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Qu là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh Qu có hai người con chung tên là Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 19/10/2003 và Nguyễn Phước Ng, sinh ngày 30/11/2009. Hai người con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con. Thể hiện ý kiến về con chung tại bút lúc số 28, anh Qu cũng đồng ý giao cả hai người con chung cho chị Th nuôi dưỡng chứ không có tranh chấp gì. Bên cạnh đó, các con chung đều có nguyện vọng được ở với chị Th khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung cho đến khi thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị Th không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Qu đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Qu.

- Về con chung: Chị Trần Thị Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên là Nguyễn Trần Tường V, sinh ngày 19/10/2003 và Nguyễn Phước Ng, sinh ngày 30/11/2009 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn Qu không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị Th không được ngăn cản.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011774, ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/7/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hạ Hải Hồ